

# NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA THƠ Y PHƯƠNG CHO THƠ CA VIỆT NAM HIỆN ĐẠI NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT

Võ Minh Nghĩa

Nghiên cứu sinh, Viện Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Văn Hiến, Việt Nam

Email: vominhnghiadhsp@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 28/11/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 02/3/2024; Ngày duyệt đăng: 29/3/2024

## Tóm tắt

Y Phương là một nhà thơ mang tâm hồn của núi rừng Tây Bắc. Đến với thơ Y Phương là đến với một thế giới nghệ thuật mang dấu ấn đậm nét của dân tộc Tày, Y Phương đã dệt nên tấm "thổ cẩm" cho thơ ca hiện đại Việt Nam. Nhìn từ phương diện nghệ thuật, thơ Y Phương đã mang đến những trải nghiệm rất mới mẻ cho độc giả. Qua hai tập thơ "Lời chúc" (1991) và "Vũ khúc Tày" (2015), Y Phương đã chứng minh cho quá trình hoạt động nghệ thuật nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao của người con vùng đất Cao Bằng. Trong đó, với việc sử dụng ngôn ngữ thơ sóng đôi, các hình tượng nghệ thuật độc đáo và các biện pháp tu từ đặc trưng, hai tập thơ đã mang đến nhiều khám phá mới mẻ cho người đọc, làm phong phú hơn tâm hồn của độc giả và gây nên nhiều ấn tượng khó quên.

**Từ khóa:** Dân tộc Tày, nghệ thuật, thơ Việt Nam hiện đại, tỉnh Cao Bằng, Y Phương.

---

## ARTISTIC CONTRIBUTIONS OF Y PHUONG'S POETRY TO MODERN VIETNAMESE POETRY

Vo Minh Nghia

Postgraduate, Institute of Postgraduate Education, Van Hien University, Vietnam

Email: vominhnghiadhsp@gmail.com

Article history

Received: 28/11/2023; Received in revised form: 02/3/2024; Accepted: 29/3/2024

## Abstract

Y Phuong is a poet with the soul of the Northwest mountains and forests. Coming to Y Phuong's poetry is coming to an artistic world with a strong imprint of the Tay ethnicity. Y Phuong has woven "brocade" for modern Vietnamese poetry. From an artistic perspective, Y Phuong's poetry has brought very new experiences to readers. Through two poetry collections "Loi chuc" (1991) and "Vu khuc Tay" (2015), Y Phuong has demonstrated the process of serious artistic activities with a noble sense of responsibility of people from Cao Bang fatherland. In particular, with the use of parallel poetic language, unique artistic images and characteristic rhetorical devices, the two poetry collections have brought many new discoveries to readers, enriching the soul of readers and makes many unforgettable impressions.

**Keywords:** Cao Bang province, modern Vietnamese art and poetry, Tay ethnic, Y Phuong.

---

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.6.2024.1278>

Trích dẫn: Võ, M. N. (2024). Những đóng góp của thơ Y Phương cho thơ ca Việt Nam hiện đại nhìn từ phương diện nghệ thuật. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(6), 99-107. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.6.2024.1278>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## 1. Đặt vấn đề

Y Phương là nhà thơ dân tộc Tày. Ông sinh ngày 24/12/1948, tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước, quê quán ở làng Hiếu Lễ, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Ông sinh ra ở vùng đất nên thơ, trù phú cùng với một nét văn hóa Tày đặc sắc đã tạo nên một tác giả Y Phương với một hồn thơ tinh tế. Trong suốt hành trình sáng tác của mình, Y Phương luôn giữ quan điểm riêng, bởi khi sáng tác ông muốn đi tìm cái mới, cái độc đáo. Y Phương quan sát, chiêm nghiệm cuộc sống từ nhiều phương diện khác nhau và thơ ông luôn thể hiện tâm hồn thật mạnh mẽ, trong sáng, cách tư duy hình ảnh của con người miền núi. Từ đó, Y Phương có một quan điểm đầy nhân văn và ý nghĩa về giá trị của tình yêu và đây là quan điểm thấm nhuần trong các sáng tác thơ ca của ông.

Có thể nói, với phong cách sáng tác độc đáo và mang đậm chất vị rừng núi, Y Phương không những để lại những dấu ấn mang tính đặc trưng trong lòng độc giả mà còn là đối tượng, đề tài nghiên cứu của giới phê bình, lý luận văn học. Trong các công trình nghiên cứu về nhà thơ, có thể kể đến nhiều sự đóng góp rất thực tiễn như chuyên luận “Y Phương - Sáng tạo văn chương từ nguồn cội” của ba tác giả Nguyễn Huy Bình, Lê Thị Bích Hồng, Nguyễn Thị Thu Huyền. Chuyên luận đã phân tích rất thấu đáo, cặn kẽ và sâu sắc những phản chiếu văn hóa đời sống người dân tộc Tày trong thơ ca Y Phương. (Nguyễn & cs., 2017). Từ năm 1991 đến nay, tính từ khi tập thơ *Lời chúc* ra đời, thơ Y Phương cũng trở thành đề tài nghiên cứu của nhiều khóa luận tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ. Với đề tài *Bản sắc Tày trong thơ Y Phương và Dương Thuấn*, tác giả Nguyễn Thị Thu Huyền đã có góc nhìn so sánh đối chiếu khi cả hai tác giả này đều lấy văn hóa Tày làm cảm hứng sáng tác (Nguyễn, 2009). Thơ Y Phương cũng đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu, phê bình như: Tế Hanh, Chu Văn Sơn, Tạ Duy Anh, Trần Mạnh Hảo, ... Hầu hết, các tác giả đều đánh giá rất cao sự sáng tạo trong hình tượng thơ và phong cách độc đáo của Y Phương. Từ đó, có thể thấy, Y Phương đã ghi dấu tên mình trong văn học Việt Nam hiện đại và trong các công trình lý luận phê bình của Việt Nam. Ông thật sự là một nhà thơ có sức ảnh hưởng lớn.

Trong bài nghiên cứu này, người viết muốn tổng kết lại những sự đóng góp đó của thơ Y Phương cho nền thơ ca Việt Nam về mặt biểu hiện hình thức.

Trong đó, chúng tôi tiến hành khảo sát cụ thể trong giới hạn nghiên cứu qua hai tập thơ: *Lời chúc* (1991) và *Vũ khúc Tày* (2015) với mong muốn nhìn lại một chặng đường độc đáo trong thơ ca Y Phương.

Khi tiến hành nghiên cứu đề tài này, người viết đã sử dụng các phương pháp: Phương pháp lịch sử cụ thể để dựa vào đặc điểm của thơ ca Việt Nam từ sau năm 1975 làm căn cứ phát hiện những đóng góp tiêu biểu của thơ Y Phương; Phương pháp nghiên cứu liên ngành để bước đầu tiếp cận và lý giải một số nét đặc sắc về văn hóa của người Việt Nam nói chung và văn hóa Tày nói riêng có trong thơ Y Phương; Phương pháp phân loại thống kê để thấy được một số biểu hiện của thơ Y Phương về mặt nghệ thuật trong việc đóng góp cho thơ ca Việt Nam hiện đại. Ngoài ra, bằng việc sử dụng thao tác phân tích - tổng hợp xuyên suốt bài nghiên cứu, người viết cũng sẽ đưa ra nhiều sự lý giải về các đặc sắc trong thể giới nghệ thuật thơ Y Phương.

## 2. Nội dung

### 2.1. Ngôn ngữ thơ gần gũi với ngôn ngữ đời sống của con người vùng cao

#### 2.1.1. Sử dụng ngôn ngữ đặc trưng của dân tộc Tày

Thơ Y Phương một tài năng đặc biệt và một nhân cách lớn (Thiên Điều, 2022). Có thể thấy rõ trong tư duy nghệ thuật của Y Phương, ông luôn đề cao và đem bản sắc dân tộc của mình đến gần hơn với độc giả. Trong các sáng tác của mình, Y Phương đã sử dụng nhiều và nhuần nhuyễn tiếng Tày. Chính điều đó đã khiến lời thơ của ông gần gũi, giản dị; đồng thời, cô đọng những hình ảnh và văn hóa nơi vùng cao, chẳng cần cầu kì hay hoa mỹ nhưng khi người đọc chạm vào những tầng lớp ngôn từ ấy ai cũng có thể thấy được cụ thể tinh thần và đời sống của người con nơi đây.

Tiếng mẹ đẻ luôn là của cải quý báu và vô cùng thiêng liêng với mỗi người và mỗi dân tộc, đối với dân tộc Tày cũng như vậy. Những người con nơi đây luôn cố gắng gìn giữ và duy trì truyền thống ấy qua từng thế hệ. Ý thức này vốn nằm sâu trong tâm trí của mỗi người con xa quê, dù cách xa quê hương bao nhiêu đi chăng nữa, nó luôn len lỏi và nhắc nhở họ về nguồn gốc của chính mình. Ý thức tinh thần dân tộc được thể hiện rất rõ trong bài thơ “*Tiếng mẹ đẻ*” - tập thơ *Lời chúc: Hồi ấy/Ở làng tôi/Có người đi lính về/Quên hết tiếng Tày/Sau đó/Bà mẹ thất cố/Người lính vất vả khòk/Gọi “mế ơi”/Đúng giọng người làng tôi/Bà*

*mẹ khẽ mỉm cười/Rời từ từ khép mắt.* Tình yêu quê hương, cội nguồn của người miền núi rất đậm đà. Y Phương đã cho người đọc thấy được tầm quan trọng về tiếng mẹ đẻ của những người dân tộc Tày. Tiếng nói đối với tác giả chính là tình yêu, sự thủy chung với cội nguồn gốc rễ con người, tiếng Tày chính là của cải quý báu mà từng lớp thế hệ dân tộc nơi đây phải gìn giữ và bảo vệ. Vì đó chính là cội nguồn, là điều nắm giữ lấy linh hồn dân tộc, không thể được để mất đi. Qua những lời thơ giản dị nhưng chúng ta có thể thấy được thơ ông chính là tiếng hát ngợi ca con người và đời sống tinh thần của dân tộc vùng cao.

Dù Y Phương là một người con xa quê nhưng trái tim ông luôn hướng về quê hương, điều này được thể hiện rõ trong từng lời thơ của ông vì đa số sáng tác nghệ thuật của tác giả luôn sử dụng kết hợp những từ ngữ sòng đôi vừa Kinh vừa Tày. Chính điều này giúp cho ý nghĩa của tiếng Việt được mở rộng, khái quát hơn và vượt qua những ý nghĩa ban đầu bởi có sự kết hợp thêm nghĩa của tiếng Tày. Ông đã tài tình trong việc vận dụng ngôn ngữ Tày đưa vào trong thơ để tái hiện những hình ảnh về cuộc sống và tính cách đặc trưng của dân tộc Tày: *Ứn ọng nòn/ Tiếng ru con/ Lòng bồn chồn [...]/ Chúng nói giọng ông bà ngoại [...]/Tôi nhìn/Đâu như bà/ Từ lời ru bước ra/ Ứn ọng nòn, trích Lời ru quê ngoại.* Tiếng nói dân tộc Tày được tác giả lồng ghép nhịp nhàng trong câu thơ mở đầu *Ứn ọng nòn*, đây là thể loại dân ca, hát ru phổ biến thường được xuất hiện trong đời sống dân tộc Tày. *Ứn ọng nòn* hay được gọi là *Ứn ọng nèn* được hiểu như từ Ứ em ngủ dưới miền xuôi. Đây chính là câu hát mở đầu để ru con ngủ, mỗi bài hát ru đều cơ bản giống nhau nhưng giai điệu và cách hát lại khác nhau tạo nên sự phong phú và sinh động (Lê, 2016). Hình ảnh mẹ hát ru con trong ký ức của người con vùng núi được tái hiện chân thật và giản dị vô ngần. Từng ký ức ấu thơ chạy nhảy đùa nghịch, chuyện trò của từng đứa trẻ Tày được tái hiện đủ đầy trên từng trang thơ của tác giả bằng ngôn ngữ của dân tộc mình.

Trong hành trình đem những giá trị và văn hóa dân tộc Tày đến gần hơn với độc giả, Y Phương từng chút một sử dụng ngôn ngữ người Tày lồng ghép nhịp nhàng tự nhiên trong từng sáng tác của mình. Ông gửi gắm vào đó những nét văn hóa và hình ảnh chân thật về cuộc sống nơi đây khiến cho sáng tác của ông như một bức thổ cẩm đầy màu sắc và trở thành một chỉnh thể về tình yêu mang đậm tinh thần dân tộc. Trong bài thơ *Keng Páng: Rời qua đèo Keng Páng/ Máy người đội mao zà/Nhân nha hút cóoc vài.* Từ

*mao zà* và *cóoc vài* chính là chỉ về nón lợp lá chít và một loại lá hút rất nặng, mùi rất khét. Đây chính là hai vật rất quen thuộc với dân tộc Tày, thường xuyên xuất hiện trong cuộc sống nơi đây. Vì khí hậu vùng cao thường lạnh và quanh năm phủ đầy sương gió nên họ thường hút thuốc để làm ấm người và đội nón lợp lá chít để tránh khỏi những làn sương khi làm việc. Nét đặc trưng này của dân tộc Tày đã được tái hiện qua lời thơ của tác giả. Bên cạnh đó, người đọc cũng có thể thấy được cách sống và sinh hoạt của dân tộc vùng cao hiện lên gần gũi và yên bình giữa đèo Keng Páng. Bằng việc sử dụng sòng đôi hai ngôn ngữ Tày và Kinh, nhà thơ đã định hình nên một phong cách rất riêng, vừa quen thuộc gần gũi với người Tày lại vừa làm giàu thêm vốn ngôn ngữ của người Việt một cách tài tình.

Ngoài ra, theo Nguyễn (2019) cho rằng: Y Phương còn được nhắc đến như người truyền lửa của dân tộc Tày. Lời thơ của ông mang tính đặc trưng của người con miền núi, dù ở xa làng quê nhưng trái tim vẫn hướng về đồng bào, về những anh em đã cùng sinh sống trên mảnh đất quê hương. Điều ấy được thể hiện qua rất nhiều tập thơ như: *Lời chúc, Người núi hoa, Tiếng hát tháng Giêng, Đan then...* và không thể nào không nhắc đến tập thơ song ngữ Việt - Tày chính là *Vũ khúc Tày*. Tập thơ chính là một trong những tác phẩm độc đáo mang đậm ngôn ngữ dân tộc được chính tác giả sáng tác và dịch thuật. Từ đó, có thể thấy ngôn ngữ Tày vô cùng phong phú và đặc sắc. Qua tập thơ này, tác giả đã thể hiện được sự trân trọng đối với tiếng nói của quê hương nói chung và tiếng nói dân tộc mình nói riêng (Lê, 2017). Và bằng cách này, ông đã mang đến cho người đọc một ngôn ngữ hết sức tự nhiên và mộc mạc như chính bản chất của những con người miền núi.

Qua những tác phẩm nghệ thuật, Y Phương đã dệt nên những mảnh vải đầy màu sắc như một tấm thổ cẩm giản dị, nhưng tinh tế và độc đáo. Nhà thơ đã mang lại những giá trị thẩm mỹ mới cho các tác phẩm của mình; đồng thời, thể hiện được tài năng khi vận dụng đúng lúc, đúng chỗ ngôn ngữ của dân tộc phù hợp với cách nghĩ, cách cảm và cách nói của người miền núi. Chính điều này đã mang đến những giá trị đặc sắc về ngôn ngữ không chỉ cho người Tày mà còn là của cả dân tộc Việt nói chung.

### 2.1.2. Sử dụng những chất liệu văn hóa dân gian

Như đã nói, Y Phương là người thông thạo cả hai thứ tiếng Tày và Việt, do đó, trong các sáng tác

của mình, ông đã chọn lọc những tinh chất để tạo nên dấu ấn riêng trên văn đàn. Nhờ vậy, ngôn ngữ trong thơ ông luôn tươi mới và không ngừng “sinh nở” để tạo nên sự độc đáo riêng biệt của một tâm hồn đa cảm tha thiết với bản sắc văn hoá dân tộc. Trên hành trình “lọc quặng lấy chữ”, nhà thơ đã lựa chọn khai thác kho tàng văn hoá dân gian dân tộc để sáng tạo nghệ thuật. Cụ thể, Y Phương đã thành thạo việc sử dụng ngôn ngữ, tục ngữ và thành ngữ của dân tộc Tày để làm nên những trang thơ mang những hình ảnh đặc trưng trong đời sống văn hóa dân gian của người Tày. Điều ấy được minh chứng trong việc nhà thơ Y Phương đã lấy câu ngôn ngữ Tày: *Láo lúc hò khăn ni - tức là Ngợ ngác hồn vía bay* (Hoàng & Trần, 2014) để làm nguồn cảm hứng cho việc sáng tác bài thơ Ngợ ngác. Bài thơ này ngụ ý nói về tình cảm của chàng trai dành cho cô gái này nhiều đến độ “hồn xiêu phách lạc”, cơ thể chỉ còn lại là sự ngợ ngác: *Cuốn sách ngợ ngác/Cốc nước ngợ ngác/Ngọn đèn ngợ ngác/Mây bay gió thổi nước chảy ngợ ngác...*

Trong tục ngữ Tày có câu: *Chịu hổ vồ/ Không chịu điên đảo* (Hoàng & Trần, 2014). Câu tục ngữ này có ý nghĩa bàn đến lối sống ngay thẳng, kiên quyết của con người. Nhà thơ Y Phương cũng đã mượn đại ý của câu tục ngữ trên để viết trong bài thơ *Một: Hồ báo đón đường/Anh vẫn đến*. Dù chỉ có 02 câu, tóm gọn lại 07 chữ nhưng 02 câu trên khá ý nghĩa, đại ý muốn nhấn mạnh rằng dù có gặp nhiều thử thách hay khó khăn, thậm chí có thể nguy hiểm đến tính mạng nhưng chàng trai vẫn kiên quyết thực hiện ý định của mình để được gặp và lấy đúng người mình yêu. Song có thể thấy, trong ý thơ đã có sự thay đổi về nghĩa so với ý trong câu tục ngữ, điều này đã tạo nên sự mới mẻ và độc đáo lý thú đối với người đọc. Không những thế, trong tục ngữ của người Tày còn có câu: *Kin nặm cắt những lèo kẹo - Uống nước lã còn phải nhai* (Hoàng & Trần, 2014) ý nói những kẻ đa nghi. Nhà thơ đã vận dụng đầy đủ nghĩa của câu tục ngữ này để đặt tên cho bài thơ Nhai nước: *Nửa đời trước răng cắn ngập nỗi buồn/Nửa đời sau/Răng cắn ngập niềm vui/Còn bây giờ/ Tôi đang nhai đau tôi.*

Có thể thấy người Tày có khá nhiều câu ngôn ngữ, tục ngữ hay thành ngữ rất đặc sắc, ý tứ thâm thúy nhưng lại rất dễ hiểu, đi trọn vào lòng người đọc (Trần, 1997). Không những thế, tục ngữ, thành ngữ còn mang tính hàm súc cao, phù hợp với lối tư duy trực cảm, kiệm chữ của nhà thơ. Y Phương rất ý thức trong việc vận dụng các câu thành ngữ, tục ngữ đó vào các tác phẩm thơ song ngữ của mình. Thế nên,

thơ ông vừa dễ hiểu, vừa sâu xa, lại mang tính cổ điển. Khi nói về cái gốc của sự vật, hay nói cách khác là triết lý nhân sinh từ hiện tượng, sự vật - tục ngữ Tày có câu: *Có thóc mới có cá, hoặc là Có nước mới có cá/Có ruộng mới có lúa* (Hoàng & Trần, 2014). Đây là một yếu tố cộng sinh, tức là có cái này mới có cái kia. Và hẳn là ta cũng thấp thoáng thấy cái triết lý ấy trong những ý thơ song ngữ của nhà thơ Y Phương, trong bài thơ Sinh: *Trời sinh nắng sinh mưa/ Đất sinh ngô sinh lúa/ Pa mẹ sinh ra anh/ Anh yêu mình giàn giụa...* Câu thơ trên trong bài Sinh, tác giả đã lấy ý nghĩa từ câu tục ngữ mang triết lý cộng sinh là trời sinh nắng sinh mưa, đất sinh ngô sinh lúa và quan trọng nhất là ba mẹ là người đã sinh ra chúng ta để viết nên lời thơ của riêng mình. Và không dừng lại ở đó, Y Phương đã sáng tạo ra ý mới nối tiếp ý thơ trên, đó là thơ nói về tình yêu đôi lứa - một tình yêu sâu sắc nhưng nồng nàn tha thiết... Và như một điều tất yếu, như một quy luật của đất trời, của vạn vật, nhưng lại nói một cách rất mới, rất lạ: *Anh yêu mình giàn giụa.*

Như thế, để có được những ý thơ vừa thâm trầm chất Tày, vừa giàu tính sáng tạo hẳn là vì Y Phương vừa là một nhà thơ nhưng đồng thời ông cũng là một trí thức Tày, có vốn văn hóa, văn học dân gian Tày phong phú. Quan trọng hơn hết, ông tha thiết mang trong mình ước nguyện gìn giữ bản sắc cũng như ngôn ngữ của dân tộc mình, và đó cũng chính là lý do ông bước đến văn đàn với nhiệm vụ chất lọc và đưa vào thơ ca tất cả những gì tinh túy nhất thuộc về văn hóa Tày.

## 2.2. Xây dựng một số biểu tượng nghệ thuật độc đáo

Trong suốt sự nghiệp văn chương của mình, Y Phương là một tác giả từng thể nghiệm tài năng ở nhiều thể loại khác nhau, từ kịch cho đến thơ ca và tản văn. Bằng phong cách độc đáo, các sáng tác của Y Phương thường có sự xuất hiện nhiều hình ảnh quen thuộc như lửa, đá, người phụ nữ... Chính sự lặp đi lặp lại với tần suất cao kết hợp với những ý nghĩa riêng biệt này mà nhà thơ đã truyền tải những hình ảnh ấy trở thành những biểu tượng trong thế giới thi ca của ông.

### 2.2.1. Biểu tượng đá

Trong quan niệm của những người miền núi, họ thường sùng bái tự nhiên khi coi những vật như đá, cây cối... đều có tâm sự và mang những giá trị tinh thần thiêng liêng (Trần, 1997). Với họ, những sự vật ấy tuy tồn tại khách quan trong tự nhiên nhưng lại

phản ánh niềm tin tinh thần quan trọng của con người. Do đó, trong các sáng tác của Y Phương, đá cũng xuất hiện như một thực thể sống và mang nhiều ý nghĩa. Trước hết, nó gắn liền với cuộc sống nơi vùng cao hiểm trở, nhiều khó khăn và đồng thời, phản ánh niềm tin vào thế giới vạn vật hữu linh của họ.

Có thể thấy, đá không chỉ là một hình ảnh đặc trưng của thiên nhiên, cuộc sống nơi vùng cao mà còn là người bạn để những con người nơi ấy có thể bộc bạch và tâm sự. Vì vậy, đá trong thơ Y Phương trước hết mang ý nghĩa là con người với sự cương nghị. Nhà thơ Y Phương gắn bó máu thịt với quê hương Cao Bằng - nơi có địa hình được bao phủ bởi núi đá, có lẽ vì vậy mà đá đã đi vào thơ ca của ông một cách vô thức (Y Phương, 2016). Theo cách gọi của Y Phương, làng ông sống chính là làng đá - nơi đã sinh thành và nuôi dưỡng những tâm hồn đá. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa họ là những con người thô sơ, khô cứng mà là muốn đề cập về sự rần rỏ trong bản chất của họ. Những hòn đá, núi đá chính là nhân chứng cho sự hình thành và lớn lên của con người nơi đây; hơn hết, đá cũng như là con người, một người bạn của những đứa con được sinh ra từ làng đá. Do đó, đá cũng như là thực thể sống với đầy đủ các cung bậc cảm xúc và trạng thái sinh tồn: *Có hòn làm bóng mát/ Có hòn hỏi ông trời/ [...] Đá ngửa mặt lên trời*, trích từ *Những đứa con làng đá*. Đá ở đây xuất hiện không chỉ là đá của cuộc sống đời thường (khi làm bóng mát), là một hình ảnh có thực mà còn mang tầng ý nghĩa ẩn dụ. Đó là khi đá đã được nhà thơ thổi hồn vào để mang tâm trạng và tính cách như con người, thậm chí là có suy nghĩ và có cảm xúc: khi thì ngỗ ngược khi thì buồn bã. Điều này cũng được tác giả miêu tả rõ nét qua bài *Dòng suối nước mắt: Đá nhỏ bằng mũ cối [...] Một lũ đá trần truồng dầm mình trong dòng nước đục/Cả triệu triệu năm lũ đá buồn đau*. Ở đây, Y Phương đã khắc họa sự đồng điệu giữa con người và đá, con người buồn đau, xót xa thì đá cũng như thế. Chính sợi dây tương đồng ấy đã nối kết hai đối tượng này gắn bó với nhau, thậm chí là hoà nhập con người vào với thiên nhiên.

Không chỉ miêu tả sự gắn bó máu thịt giữa con người với đá từ khi sinh ra cho đến khi lớn lên mà với Y Phương, ngay cả khi con người chết đi cũng như một sự hoá thân về với đá. Đá được xem như là mạch nguồn của sự sống và cả sự bất tử: *Đêm đêm/ Người đàn bà khóc trong mơ [...] Ngồi im/ Thành đá*, trích *Người đàn bà bị phụ tình*. Đối với tác giả,

những con người miền núi được đá sinh ra và lớn lên (Y Phương, 2014). Do đó, ngay cả khi họ không còn nữa thì cũng không có nghĩa là họ đã chết, ngược lại, họ mãi bất tử và sự ra đi của họ chỉ là sự hoá thân về với mẹ thiên nhiên hùng vĩ.

Bên cạnh đó, biểu tượng đá trong sáng tác của Y Phương còn mang tầng nghĩa về tình yêu, đặc biệt là tình yêu đôi lứa. Điều này có lẽ xuất phát từ tính chất tĩnh tại, ít biến đổi của đá. Nói như vậy, tình yêu trong thơ ông gắn liền với đá như một cách thể hiện sự thủy chung, son sắt dành cho người mình yêu. Đó là người đàn bà đầu bị phụ tình thì vẫn không chút ruồng bỏ hay thay lòng, ngược lại, họ nguyện ôm giữ tình cảm và nỗi đau khổ ấy mà “hoá đá”. Đồng cảnh ngộ với người đàn bà ấy, trong bài thơ *Người đá*, Y Phương đã khắc họa nỗi buồn của một chàng trai khi hạnh phúc dở dang: *Có một người đá/ Đang ngóng em*. Có thể thấy, tác giả đã dùng đá để thể hiện sự thủy chung của con người miền núi dành cho người tình của mình. Đây có thể được xem là cách truyền tải nội dung đầy mới mẻ và sáng tạo. Đá ở đây không mang ý nghĩa là lòng dạ sắt đá - vô cảm mà ngược lại, nó đại diện cho sự bất biến, vĩnh hằng, một lòng một dạ đối với người mình yêu dấu không được hạnh phúc trọn vẹn.

Không những thế, đá còn mang một ý nghĩa khác chính là sự trường tồn bất biến của quê hương. Trong các sáng tác của mình, Y Phương thường hay miêu tả tâm trạng của người con miền núi nơi đất khách với nỗi nhớ khôn nguôi về quê hương. Ở đó, đá hiện lên như một dấu hiệu của quê hương. Điều này cũng xuất phát từ quan niệm ông xem đá như một quần thể, quy tụ để bao bọc lấy quê hương và cũng như hiện hữu trong từng ngõ ngách của quê hương. Như vậy, đá với ý nghĩa trường tồn bất biến và luôn đồng hành cùng con người trong cuộc sống, khi con người sinh ra, rồi lớn lên, có tình yêu cho đến khi chết đi. Chính sự gắn bó ấy đã khiến cho sau này dù đến bất cứ vùng đất nào khác thì nỗi nhớ quê hương vẫn chưa bao giờ nguôi ngoai, dẫu rằng đó chỉ là những gì bình dị và rất đời thường, thậm chí là tầm thường đối với người khác như đá. Đồng thời, đá khi đại diện cho hình hài quê hương xứ sở cũng là dấu hiệu giúp họ nhận ra nhau ở những nơi xa lạ để từ đó khiến họ sát gần nhau hơn: *Những đứa con của đá/ Lăn lóc đi vào đời*, trích *Những đứa con của đá* (Y Phương, 2016). Dù phải tha hương cầu thực, dù khó khăn hay giàu có, chính đá sẽ là dấu hiệu để họ nhận ra và giúp đỡ

nhau trên hành trình phía trước vì đều cùng nguồn cội. Hơn hết, cho dù những đứa con này có đi đến đâu thì cũng nhắc nhớ họ đang mang trong mình tâm hồn của đá. Vì vậy cần phải sống vững vàng và mạnh mẽ. Dầu gặp bất kì gian khổ nào hay những cạm bẫy thì họ vẫn phải vững vàng tiến bước một cách đầy bản lĩnh như kì vọng và truyền thống của quê hương.

Như vậy, có thể thấy, biểu tượng đá xuất hiện trong thơ của Y Phương như một sự tự nhiên, tất yếu của quá trình tác động từ ngoại cảnh đến tâm hồn nhà thơ. Tuy nhiên, khi đưa chúng vào trong các sáng tác của mình, Y Phương không chỉ có sự học hỏi, tiếp thu mà hơn nữa là vận dụng một cách sáng tạo để mang những ý nghĩa mới lạ và độc đáo. Biểu tượng đá trong thơ Y Phương không chỉ là sự tái hiện hình ảnh thiên nhiên đặc trưng mà còn là biểu hiện của sự khăng khít gắn bó giữa người và đá - đại diện cho cuộc sống và con người quê hương.

### 2.2.2. Biểu tượng người mẹ

Như một dòng chảy mạnh mẽ, hình ảnh người phụ nữ Việt Nam đi vào văn học một cách hết sức tự nhiên và rồi cứ thế xuất hiện trải dài trên hầu khắp các trang viết của thể hệ văn sĩ từ xưa đến nay. Không đứng ngoài dòng chảy đó, nhà thơ Y Phương với tấm lòng trân trọng, ngợi ca những người phụ nữ cũng đã kịp ghi lại dấu ấn trong sáng tác văn học đậm chất riêng của mình.

Trước hết, biểu tượng mẹ mang ý nghĩa là người kiến tạo sự sống. Trong thơ ca từ xưa đến nay, tình mẹ vốn là tình cảm thiêng liêng và cao quý. Ở đó, mẹ vừa là hình ảnh đầu tiên và cuối cùng của mọi điều cao cả, là điểm tựa và cũng là nơi tìm về của mỗi con người. Có lẽ, được mang thai chính là một trong những thiên chức lớn nhất của người mẹ khi mang trong người sự kết tinh tình yêu đẹp đẽ, minh chứng cho sự hạnh phúc. Tuy nhiên, đi liền với thiên chức chính là trách nhiệm, đó là sinh ra, nuôi dưỡng và chăm lo cho con của mình. Từ trong những lời ru êm ả, Lê (2016) cho rằng: *Điệu ru mượt mà, êm ái, ngân nga, man mác trưa hè, dịu dàng ảm áp lúc giá đông, khiến bé như cảm nhận có mẹ ở bên mà yên lòng, nhẹ nhàng trôi vào giấc ngủ thần tiên. Đối với các người mẹ, con mình đâu có lớn đến đâu đi chẳng nữa thì vẫn mãi là một đứa trẻ luôn cần sự yêu thương và che chở, bảo vệ: Con gái bé bỏng trong vòng tay yêu thương của mẹ/ Mẹ bé bỏng trong vòng tay yêu thương của bà/ Bà bé bỏng trong vòng tay yêu thương trời đất, trích Bé bỏng yêu thương. Họ là*

hiện thân cho sự chịu thương, chịu khó của người phụ nữ Việt Nam, của những cái cò lặn lội. Y Phương đã xây dựng nên biểu tượng người phụ nữ gắn liền với những hình ảnh giản dị, giàu sức gợi, đậm đà bản sắc dân tộc. Người mẹ dù bất cứ chuyện gì xảy ra vẫn luôn hết mực yêu thương và mong muốn dành những điều tốt nhất cho con cái của mình, và rồi tình yêu ấy mãi tiếp nối nhau qua từng thế hệ tạo nên sự gắn bó bền chặt. Có người từng nói rằng Thượng đế không thể có mặt ở khắp mọi nơi, vì thế đã tạo ra những bà mẹ. Với ông, người đàn bà không chỉ sáng tạo ra thế giới, kiến tạo nên sự sống mà họ còn là điểm tựa cho tất cả, từ con cái đến cả người đàn ông: *Người đàn ông tựa lưng người đàn bà/ Còn người đàn bà tựa lưng biển cả, trích Tựa.*

Bên cạnh đó, mẹ trong các sáng tác của Y Phương còn là hiện thân cho sự bất tử. Như đã nói, con người từ khi sinh ra cho đến khi chết đi đều luôn có bóng dáng chở che của người mẹ. Trong các sáng tác của Y Phương, đặc biệt là hai tập thơ *Lời chúc* và *Vũ khúc Tày* có không ít các bài đề cập đến xúc cảm của con người trước cái chết. Tuy nhiên, điều đặc biệt là trong những khoảnh khắc ấy, người mẹ hiện lên như một sự cứu rỗi đối với con mình.

Trong thơ Y Phương còn thường xuyên xuất hiện những người mẹ đã cống hiến hết mình cho sự nghiệp độc lập của dân tộc khi có những đứa con đi lính. Trong những trường hợp ấy, người mẹ chính là lí do để con tiếp tục chiến đấu và giữ mạng sống vì mẹ lúc nào cũng vẫy gọi con trở về đâu có qua bao nhiêu biến cố đi chẳng nữa. Hơn hết, tình cảm ấy đã giúp những người con thấu hiểu rằng, mắt mẹ chính là điều đau xót nhất trên đời này: *Chim về với tổ/ Cá về với hang/ [...] Người về với mẹ/ Ta không còn mẹ/ Biết là về đâu, trích “Chiều mờ cõi”.*

Có thể thấy, người mẹ khi đi vào trong thơ Y Phương đều mang những phẩm chất tốt đẹp như thương con, chịu thương chịu khó, lam lũ... Chính quê hương và gia đình đã nuôi “những đứa con” khôn lớn. Thiên chức làm mẹ của người phụ nữ là biểu tượng chứa đựng trong đó cả sự chịu đựng, đức hi sinh. Tác giả ý thức sâu sắc về niềm tự hào dân tộc đặt song song với tình mẫu tử thiêng liêng, vì thế ta bắt gặp dung lượng không nhỏ những sáng tác thơ nhắc đến “mẹ” - người đã sinh ra thế giới, mang đến sự sống và sẽ mãi bất tử cùng dáng hình quê hương, đất nước. Vì vậy, họ xứng đáng được trân trọng và ngợi ca như cách mà Y Phương đã thể hiện.

### 2.3. Sử dụng đậm đặc các biện pháp tu từ

Thơ Y Phương sử dụng phong phú, đa dạng các biện pháp tu từ, đặc biệt là phép điệp, từ láy và so sánh. Trước hết, phép điệp được hiểu là sự lặp đi lặp lại nhiều lần một từ, một cụm từ hoặc thậm chí là cả câu được nhà văn sử dụng trong đoạn thơ nhằm nhấn mạnh đến bản chất sự vật hiện tượng được nói đến. Qua khảo sát, chúng tôi ghi nhận phép điệp và từ láy xuất hiện với tần suất cao. Đối với phép điệp, trong tập thơ *Lời chúc*, số bài có sử dụng phép điệp 24/34 bài, như vậy, nó chiếm đến 71%; trong tập thơ *"Vũ khúc Tây"* có đến 92/108 bài có sử dụng và chiếm 85%. Còn đối với từ láy: trong tập thơ *Lời chúc* có 23/34 bài, chiếm 68%; trong tập thơ *Vũ khúc Tây* có 58/108 bài, chiếm 63%.

Nhà thơ Y Phương nổi tiếng với những vần thơ đậm chất tình, từ tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu gia đình cho đến tình yêu đôi lứa. Do đó, để có thể nhấn mạnh những cảm xúc tâm tư của mình, ông thường sử dụng biện pháp nghệ thuật điệp đa dạng và dày đặc, tiêu biểu như bài thơ *Chiết* trong tập *Vũ khúc Tây* và *Lời ru quê ngoại* trong tập *Lời chúc*. Qua việc khảo sát hai tập thơ *Vũ khúc Tây* và *Lời chúc*, nhà thơ Y Phương đã sử dụng thành công rất nhiều biện pháp nghệ thuật khiến mỗi trang thơ đều trở nên thấm đượm những tình cảm dạt dào, trong đó phép điệp chiếm số lượng bài thơ nhiều nhất với đa dạng hình thức điệp như điệp từ, điệp ngữ cách quãng, điệp nối tiếp, điệp vòng tròn. Tất cả nhằm tạo nên hiệu ứng thẩm mỹ cho thơ ca thêm sống động; nhịp điệu, nhạc tính trong thơ thêm sâu lắng và thuận tiện bộc bạch nỗi lòng của người con dân tộc Tây.

Trong tập thơ *Vũ khúc Tây*, *Chiết* là bài thơ điển hình cho việc vận dụng thành công nghệ thuật điệp. Tác phẩm nói về nhân vật "tôi" vốn là một người con làng Tây kể từ khi bước lên thành phố đã hao chất Tây mãi cho đến khi chiết mình vào em, chất Tây ấy lại "đầy em". Bài thơ vừa nói lên giá trị bản sắc văn hóa dân tộc của dân tộc vừa ngợi ca giá trị sức mạnh của tình yêu lứa đôi khiến con người tìm về lại đúng bản chất vốn có của chính mình ở nơi phố thành xa hoa, đông đúc. Trước hết, phép điệp xuất hiện dày đặc ở đoạn thơ đầu tiên, đó chính là khoảnh khắc nhân vật trữ tình phải rời ngôi làng thân thuộc của mình để lên thành phố: *Từ ngày tôi rời làng Tây/ Xa hun hút/ Xa xanh thăm/ Cứ thế miên man nhớ làng/ Cứ thế nhớ như mài/ Tôi mài tôi/ Tôi đang nhỏ hơn một hạt bụi/ Tôi sắp nhỏ hơn nữa hạt bụi/ Nhỏ hơn/ Nhỏ*

*hơn nữa/ Tôi tan loãng trong bầu không khí.* Nỗi nhớ làng được nối tiếp nhau, lan tỏa khắp khổ thơ đầu tiên một cách da diết. Điệp từ xa được nối tiếp nhau nhằm nhấn mạnh nỗi nhớ làng của nhân vật tôi khi phải lên đường đến thành phố. Ngôi làng Tây giờ ở xa hun hút, thăm thẳm. Phép điệp kết hợp cùng các từ láy càng gợi nên sự chơi vơi, nhớ quê hương một cách da diết, triền miên. Nỗi nhớ cũng ngày càng được dâng lên thông qua điệp ngữ cú thể và điệp từ nhớ, nhân vật trữ tình luôn trong trạng thái nhớ quê hương, dường như có một sức mạnh vô hình nào đó luôn thôi thúc anh phải nhớ về nguồn cội hay bản chất người Tây luôn uống nước nhớ nguồn.

Không những thế, điệp từ tôi xuất hiện liên tiếp cùng với điệp ngữ *nhỏ hơn, hạt bụi* đã nhấn mạnh sự so sánh giữa nhân vật trữ tình và đối tượng *hạt bụi*. Kết hợp cùng nghệ thuật tăng tiến, điệp ngữ *nhỏ hơn* khiến bản thân anh người Tây *tan loãng trong bầu không khí*. Một cảm xúc chơi vơi thật khó tả. Một cảm xúc và cũng là nỗi niềm của người sống tha phương và nhỏ bé dần giữa nơi phố thị phồn hoa, đông đúc ấy. Vì lẽ đó nên anh thậm tự trách bản thân và may mắn thay, anh đã *chiết mình vào em*, tìm lại bản chất của chính mình: *Tôi/ Một người đàn ông Tây/ Giờ đang sống ở thành phố này/ Mỗi ngày hao chất Tây một ít/ Nhưng mỗi khi cười khóc/ Tôi chiết mình vào em/ Bỗng thấy/ Chất Tây tôi đầy lên.* Điệp ngữ chất Tây xuất hiện trong khổ thơ còn lại vừa thể hiện sự tụt giảm chất Tây trong anh hao dần, vừa nhấn mạnh niềm vui của riêng nhân vật trữ tình khi đã có thể tìm thấy một điểm tựa, một nguồn sống để khiến chất Tây tôi đầy lên. Biện pháp nghệ thuật điệp xuất hiện trong bài thơ tiêu biểu trên là nhấn mạnh những nỗi nhớ quê hương và người thân một cách tha thiết. Chẳng những thế, ngoài việc bộc bạch tâm trạng của nhân vật trữ tình, nhà thơ còn thể hiện niềm tự hào dân tộc Tây của mình.

Bên cạnh đó, thơ Y Phương sử dụng phong phú, đa dạng các loại từ láy, bao gồm: từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận. Ở từ láy toàn bộ, trong thơ ông ta thường bắt gặp những từ láy như: *phăm phăm, nghiêng nghiêng, luốc luốc, đềm đềm, trầm trầm, ào ào, ầm ầm, tím tím, diu diu...* Ở từ láy bộ phận, ông thường sử dụng những từ như: *long lanh, dùm dùm, thoăn thoắt, nhóp nhép, lặng lẽ, rộn rã, lim dim, lép lép, sầm sập, lẩn lóc, lang thang, bòn chòn...* Trong địa hạt của thơ ca, từ láy như bước vào một môi trường đầy hiệu năng và có thể được xem là một công cụ

tạo hình đặc lực với tất cả sức biểu đạt, biểu cảm của mình. Y Phương đã cần mẫn trên hành trình học hỏi, tiếp nhận và vận dụng từ láy một cách sáng tạo. Chức năng chính của từ láy trong thơ Y Phương dùng để nhấn mạnh, miêu tả hình dạng, âm thanh, trạng thái của con người hoặc sự vật hiện tượng. Chẳng hạn như bài thơ sau: *Tết rờ rề đến/Tết nhóp nhép đi/Đi thật rỏi/Nao nao khói/Voi voi người/Lá bánh cành đào se nẫu ruột*, trích “*Có một người bé đốt ngón tay*”.

Ngoài ra, nhà thơ Y Phương còn sáng tạo ra các từ láy vô cùng độc đáo, mới mẻ như: *luốc luốc, dùm dùm, khê khằng, sậm sạp...* Các từ láy trên là sự kết hợp giữa ngôn ngữ dân tộc (chữ Quốc ngữ) với ngôn ngữ dân tộc Tày. Chẳng hạn như bài thơ *Trăng muôn* (tên tiếng Tày là Hai lá). Bài thơ được viết dưới dạng chữ Quốc ngữ: *Trăng muôn/ Trăng không muôn/ [...]* Dùm dùm trăng bơi qua muôn mây đen. Bài thơ được viết dưới dạng chữ Tày: *Hai lá/ Hai nắm lá [...]/ Nhùm nhùm hai vãi quá phạ dăm*. Từ láy *dùm dùm* khi được viết dưới dạng chữ Quốc ngữ được sáng tạo bởi từ láy *Nhùm nhùm* khi được viết ở dạng chữ Tày. Phần âm “*ùm*” và “*im*” được giữ nguyên, còn phần vần được nhà thơ chuyển đổi từ *nh* sang *d*. Đây là cách sử dụng từ láy vô cùng độc đáo, chỉ có ở riêng Y Phương. Có thể nói đây chính là một trong những đóng góp to lớn của nhà thơ, góp phần làm đa dạng hệ thống chữ Quốc ngữ nước nhà.

Ngoài ra, trong thơ Y Phương còn xuất hiện những từ láy vô cùng bình dị, gần gũi, tự nhiên mang nguồn cảm xúc chân thật như: *long lanh, tim tím, hiu hiu, dàu dàu, lép lép, trâm trâm, lim dim...* Chẳng hạn như bài thơ sau: *Hiu hiu gió rỏi/ Tôi lại nhớ một người [...]/ Đèo bồng loanh quanh/ Bồng dung quanh/ Bồng dung co mình trên núi vắng*, trích *Lá vàng bay lại bay*. Từ láy *hiu hiu* là từ láy rất quen thuộc dùng để gọi tả trạng thái êm nhẹ và yếu ớt của một sự vật, hiện tượng. Nhà thơ Y Phương dùng từ láy *hiu hiu* nhằm gọi tả gió thổi rất nhẹ, lay động khẽ, tạo cảm giác trống vắng, buồn man mác khi nhà thơ đang nhớ về người mình yêu. Đây là cảm xúc rất đỗi chân thật xuất phát từ tình yêu tha thiết, mặn nồng, từ tâm hồn nhạy cảm của nhà thơ. Như vậy, từ láy trong thơ Y Phương vô cùng phong phú, đa dạng. Nhà thơ đã sáng tạo ra các từ láy vô cùng độc đáo mới mẻ bằng cách kết hợp chữ Quốc ngữ với chữ Tày. Đồng thời, từ láy trong thơ ông cũng không kém phần tự nhiên, bình dị và mang nguồn cảm xúc chân thật. Vì vậy, Y Phương đã mang đến cho độc giả không chỉ một thứ

ngôn ngữ tự nhiên, mộc mạc như bản chất của những con người miền núi mà còn làm giàu có, phong phú thêm vốn ngôn ngữ dân tộc. (Nguyễn & cs., 2017).

Một biện pháp nghệ thuật nữa được Y Phương sử dụng phổ biến là thủ pháp so sánh. Y Phương thường có cách nhìn ví von, so sánh các sự vật hiện tượng trong thơ của mình nhằm truyền tải cảm xúc tâm hồn và mang lại những giá trị nghệ thuật độc đáo. Có thể thấy, người phụ nữ, người con gái là đề tài lớn trong sáng tác của Y Phương, ông viết về họ với một thái độ trân trọng và ngợi ca. Người phụ nữ hay người con gái đó có thể là những người di, người mẹ nhưng cũng có khi là người yêu hay người con... Tuy nhiên, dù ở vai trò nào thì đối với tác giả, họ vẫn mang một vẻ đẹp nào đó từ ngoại hình bên ngoài cho đến tính cách bên trong. Trong bài thơ *Gần Hoa*, nhà thơ đã có sự liên tưởng sinh động về “em”: *Em như cây hoa/ Em như chum rượu/ Em như búp lúa*. Ở đây, sự liên tưởng về em với các đối tượng khác là sự so sánh sinh động để miêu tả và ngợi ca về em, em xinh đẹp như một bông hoa, em độc đáo như khiến anh say, em lại còn âm áp để sưởi tâm hồn anh. Và chính những vẻ đẹp của em đã khiến anh không thể nào quên được, đến mức khi phải xa em với những thời gian tăng tiến một ngày, một tuần rồi một năm khiến cho anh như *bò nhằm chuông, như quả chuông điếc hay như gà trại lóng*.

Tóm lại, qua việc sử dụng nghệ thuật so sánh, Y Phương đã có sự liên tưởng và mở rộng trường nghĩa trong thơ của mình; đồng thời, hướng đến sự đồng điệu và tương đồng giữa trạng thái tình cảm của nhà thơ với mọi vật tồn tại xung quanh. Và nhờ hình thức nghệ thuật này khiến cho thơ của ông rất giàu hình ảnh và mang những giá trị nghệ thuật riêng.

### 3. Kết luận

Nhìn chung, thơ ca giai đoạn Đổi mới từ sau năm 1975 đến nay đã tiếp nhận những luồng sinh khí mới, và cả những phong cách thơ đầy chất riêng. Trong đó, Y Phương là một trong những nhà thơ tiêu biểu. Theo Hà, 2022 cho rằng: Nhà thơ dân tộc Y Phương - Một tài năng đặc biệt, một nhà thơ dân tộc độc đáo quả thật không sai. Ông cầm bút từ những năm tháng chiến tranh cho đến khi qua đời. Ông luôn miệt mài lao động sáng tạo không ngừng để từ đó sở hữu cho mình một gia tài văn chương đồ sộ. Với quan niệm văn chương là một trò chơi và quan niệm về tình yêu thuần nhất, tác phẩm của Y Phương thường gắn với chiều sâu thể giới nội tâm của ông. Nhà thơ luôn



hướng về những cái mới, chiêm nghiệm cuộc sống từ nhiều phương diện và luôn ý thức về việc bảo tồn văn hóa Tày qua các sáng tác thi ca.

Qua việc nghiên cứu về những đóng góp tiêu biểu trong phương diện nghệ thuật của thơ Y Phương, người viết xin đánh giá lại những điều đặc trưng như sau: Về mặt ngôn ngữ, thơ Y Phương gắn gũi với ngôn ngữ đời sống của con người vùng cao. Trong đó, việc sử dụng ngôn ngữ đặc trưng của dân tộc Tày xen lẫn tiếng Việt đã thật sự làm nên điều thú vị và mang đến nhiều trải nghiệm mới mẻ cho người đọc. Ngoài ra, việc sử dụng đa dạng các chất liệu văn hóa dân gian của dân tộc Tày, từ tư tưởng đến lối sống, đã cung cấp thêm cho người đọc những tri thức quý báu của một trong các dân tộc anh em trên lãnh thổ Việt Nam. Về khía cạnh xây dựng hình tượng nghệ thuật thơ, Y Phương đã thành công khi thể giới hình tượng trong thơ của ông mang nét rất đặc trưng của vùng Tây Bắc. Điều này đã dệt nên một “tấm thổ cẩm” vừa giàu hình ảnh, vừa đa dạng màu sắc lại vừa thú vị cho thơ ca Việt Nam hiện đại. Với hai biểu tượng “đá” và “người mẹ”, Y Phương đã cho thấy nhiều đức tính tốt đẹp của con người vùng Tây Bắc cũng như khí chất và tâm hồn đáng quý của họ. Về việc sử dụng biện pháp tu từ trong thơ, Y Phương cũng ghi dấu ấn riêng khi hai biện pháp là phép điệp và hệ thống từ lấy được sử dụng đậm đặc. Qua đó, chúng đã mang đến những âm điệu thơ khi thì hùng hồn, mãnh liệt khi lại rất thiết tha vang vọng. Chúng như những âm vang của núi rừng, như lời thủ thi tâm tình của một hồn thơ chất chứa bao tâm sự.

Tóm lại, nhà thơ Y Phương đã chọn cách sáng tạo thơ rất nhạy bén, sâu sắc, tinh tế, thể hiện tình yêu của mình đối với con người và quê hương đất nước bằng lối viết tự nhiên, giàu hình ảnh, in đậm lối tư duy của người con vùng cao. Song, đó chỉ là những đóng góp của thơ Y Phương mà chúng tôi nhìn nhận và nghiên cứu được thông qua việc khảo sát hai tập thơ cụ thể là *Lời chúc* (1991) và *Vũ khúc Tày* (2015). Trong quá trình nghiên cứu, chắc hẳn chúng tôi sẽ không tránh khỏi việc thiếu sót hoặc có phần nhìn nhận chưa đúng về những đóng góp cụ thể của nhà thơ. Do vậy, bài nghiên cứu này chỉ với hy vọng sẽ góp một phần nhỏ trong việc đánh giá, phân tích và cảm nhận thơ Y Phương từ góc nhìn nghệ thuật qua cụ thể hai tập thơ đặc sắc của ông.

### Tài liệu tham khảo

- Hà, P. (Ngày 10 tháng 02 năm 2022). Nhà thơ dân tộc Y Phương - Một tài năng đặc biệt, một nhà thơ dân tộc độc đáo. *Dân tộc và miền núi*. Truy cập từ <https://dantocmiennui.vn/nha-tho-dan-toc-y-phuong-mot-tai-nang-dac-biet-mot-nha-tho-dan-toc-doc-dao-post317060.html>.
- Hoàng, Q. & Trần, T. Á. (2014). *Thành ngữ - Tục ngữ, Ca dao dân tộc Tày*. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.
- Lê, C. T. (Ngày 03 tháng 12 năm 2016). Độc đáo dân ca hát ru và phong slư của người Tày. *Dân tộc miền núi*. Truy cập từ <https://dantocmiennui.vn/doc-dao-dan-ca-hat-ru-va-phong-slu-cua-nguoi-tay/82176.html>.
- Lê, T. H. (Ngày 03 tháng 12 năm 2017). Y Phương với tập thơ song ngữ Vũ khúc Tày. *Nhân dân*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/dong-chay/y-phuong-voi-tap-tho-song-ngu-vu-khuc-tay-286719>.
- Nguyễn, H. B., Lê, T. B. H., & Đỗ, T. T. H. (2017). *Y Phương - Sáng tạo văn chương từ nguồn cội*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn, T. T. H. (2009). *Bản sắc Tày trong thơ Y Phương và Dương Thuấn*. Trường Đại học Sư Phạm, Đại học Thái Nguyên. Việt Nam. Truy cập từ <https://luanvan.net.vn/luan-van/luan-van-ban-sac-dan-toc-tay-trong-tho-y-phuong-va-duong-thuan-35112/>.
- Thiên Điều. (Ngày 10 tháng 02 năm 2022). Nhà thơ Y Phương - Tác giả bài thơ “Nói với con” đột ngột qua đời. *Tuổi trẻ online*. Truy xuất từ <https://tuoitre.vn/nha-tho-y-phuong-tac-gia-bai-tho-noi-voi-con-dot-ngot-qua-doi-202202092350197.htm>.
- Trần, N. T. (1997). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Y Phương. (2014). *Chín tháng: Trường ca. Tiếng hát tháng giêng: thơ. Lời chúc: thơ*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Y Phương. (2016). *Vũ khúc Tày: thơ song ngữ Việt - Tày*. Thái Nguyên: NXB Đại học Thái Nguyên.